

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.373.517.513.559	2.992.504.911.924
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	204.961.584.849	142.416.314.443
1. Tiền	111		182.867.981.495	141.916.314.443
2. Các khoản tương đương tiền	112		22.093.603.354	500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		226.272.216.533	89.462.580.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	226.272.216.533	89.462.580.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.876.127.838.946	1.615.043.647.801
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.657.689.865.278	1.329.319.087.486
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	105.603.267.176	100.139.578.185
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	912.000.000	53.835.900.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	120.756.280.382	139.057.469.887
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(10.417.438.582)	(8.844.931.357)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.583.864.692	1.536.543.600
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	999.999.224.057	1.050.771.377.815
1. Hàng tồn kho	141		999.999.224.057	1.052.548.599.632
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.777.221.817)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		66.156.649.175	94.810.991.865
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	15.752.297.266	11.712.534.005
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		48.984.291.704	81.795.956.094
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	1.420.060.205	1.302.501.766
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI, cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.055.403.070.261	1.068.731.264.392
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.120.701.105	3.785.756.401
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	4.916.103.338	4.581.158.634
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.7	(795.402.233)	(795.402.233)
II. Tài sản cố định	220		745.879.908.838	677.455.842.166
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	676.317.679.599	617.231.411.941
<i>Nguyên giá</i>	222		1.156.537.097.250	1.024.792.924.287
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(480.219.417.651)	(407.561.512.346)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	53.366.234.835	43.349.473.749
<i>Nguyên giá</i>	225		67.638.516.928	50.166.101.021
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(14.272.282.093)	(6.816.627.272)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	16.195.994.404	16.874.956.476
<i>Nguyên giá</i>	228		26.298.275.686	25.566.485.686
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(10.102.281.282)	(8.691.529.210)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		126.499.251.262	113.066.819.950
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	126.499.251.262	113.066.819.950
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		19.558.425.408	101.911.821.664
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	11.848.425.408	80.331.821.664
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	2.710.000.000	2.710.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	5.000.000.000	18.870.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		159.344.783.648	172.511.024.211
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	154.644.748.645	167.097.872.968
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.14	4.700.035.003	5.413.151.243
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.428.920.583.820	4.061.236.176.316

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.164.658.316.318	2.786.495.466.541
I. Nợ ngắn hạn	310		2.899.243.338.503	2.558.534.825.963
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	302.233.910.637	243.519.689.407
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	44.614.305.665	14.163.952.411
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	24.441.407.980	28.207.377.800
4. Phải trả người lao động	314		37.335.983.695	35.763.507.970
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	22.788.490.961	16.565.730.069
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	482.757.771.155	235.539.630.366
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	1.967.183.151.760	1.969.900.495.908
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		3.978.039.006	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	13.910.277.644	14.874.442.032
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		265.414.977.815	227.960.640.578
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	1.309.292.866	744.522.866
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	264.105.684.949	227.216.117.712
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.264.262.267.503	1.274.740.709.775
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	1.264.262.267.503	1.274.740.709.775
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		914.259.270.000	870.881.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		914.259.270.000	870.881.810.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(47.906.902.648)	(47.906.902.648)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		50.908.980.000	35.159.000.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(4.186.322.972)	(4.186.322.972)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(2.264.945.141)	(1.665.791.015)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		36.638.540.980	35.975.682.792
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		209.828.408	209.828.408
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		139.827.776.125	200.078.761.975
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		121.851.856.046	101.122.583.142
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		17.975.920.079	98.956.178.833
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		176.776.042.751	186.194.643.235
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.428.920.583.820	4.061.236.176.316

Người lập biểu



Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng



Trương Văn Tiến

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Vinh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND			
			Năm 2020	Năm 2019		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.759.047.908.567	1.468.887.954.877	5.634.842.911.040	5.009.897.373.159
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	56.947.218.204	72.414.266.403	191.248.155.509	202.801.267.709
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.702.100.690.362	1.396.473.688.474	5.443.594.755.531	4.807.096.105.450
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.476.378.526.590	1.184.100.854.362	4.714.087.588.763	4.124.748.678.221
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	VI.3	225.722.163.773	212.372.834.112	729.507.166.768	682.347.427.229
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	6.203.846.672	3.107.045.352	21.524.464.281	14.656.940.568
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	51.784.976.968	41.295.692.456	177.355.345.659	144.335.404.061
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		44.217.944.364	40.059.615.202	155.899.468.559	134.075.712.491
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		2.516.003.744	(1.895.490.669)	2.516.003.744	(1.895.490.669)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	100.848.827.263	101.953.856.306	317.958.499.340	295.606.442.542
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	39.534.652.799	30.879.144.505	133.329.105.100	121.871.055.196
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		42.273.557.159	39.455.695.528	124.904.684.693	133.295.975.329
12. Thu nhập khác	31	VI.8	2.483.568.964	3.838.484.478	10.184.250.320	13.692.138.955
13. Chi phí khác	32	VI.9	4.330.903.546	2.717.730.862	8.841.259.192	7.059.428.928
14. Lợi nhuận khác	40		(1.847.334.582)	1.120.753.616	1.342.991.128	6.632.710.027
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40.426.222.578	40.576.449.144	126.247.675.821	139.928.685.356
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	14.152.520.790	16.174.421.149	36.539.962.209	34.180.335.974



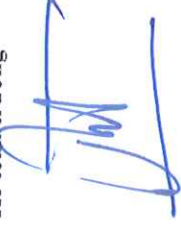
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26.273.701.787	24.402.027.995	89.707.713.612	105.748.349.382
61	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	11.771.978.409	21.208.366.683	44.370.054.899	98.956.178.833
62	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	14.501.723.379	3.193.661.312	45.337.658.713	6.792.170.549
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	129	624	503	1.136
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	129	624	503	1.136

Người lập biểu



Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng



Trương Văn Tiến

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Vĩnh Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2020	Năm 2019
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		126.247.675.821	139.928.685.356
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		81.846.171.176	71.142.709.475
- Các khoản dự phòng	03		3.773.324.414	(402.485.041)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	(761.918.202)	389.809.274
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14.819.885.287)	(7.106.853.675)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	155.899.468.559	134.075.712.491
- Các khoản điều chỉnh khác	07		196.625.000	196.625.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		352.381.461.480	338.224.202.880
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(428.571.181.009)	(377.401.374.832)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		52.549.375.575	(47.901.098.205)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		304.105.344.775	115.494.123.470
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		13.466.158.708	(82.416.716.997)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(157.210.576.715)	(133.195.757.200)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(40.022.202.979)	(20.440.749.104)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.21	-	100.472.301
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(1.478.107.546)	(2.295.907.139)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		95.220.272.290	(209.832.804.828)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(151.240.598.535)	(38.594.217.871)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		631.829.093	5.235.186.698
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(339.604.796.533)	(311.218.991.950)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		216.665.160.000	252.909.560.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		59.999.400.000	(11.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.427.465.105	10.702.670.100
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(201.121.540.869)	(91.965.793.023)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2020	2019
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	4.134.736.455.585	3.837.387.376.479
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(3.955.672.347.573)	(3.565.821.336.775)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.20	(10.608.166.626)	(7.955.012.578)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		168.455.941.386	263.611.027.126
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		62.554.672.806	(38.187.570.724)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	142.416.314.443	181.020.914.065
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(9.402.400)	(417.028.898)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	204.961.584.849	142.416.314.443

Người lập biểu

Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Vĩnh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa, bình năng lượng Thái dương năng, bình nóng lạnh, máy lọc nước, máy hút mùi, ống công nghiệp, ống trang trí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 16 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Thành lập công ty con

Tập đoàn đã tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sơn Hà Free Solar với tỷ lệ góp vốn là 90% vốn điều lệ. Mục đích của việc tham gia góp vốn vào Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sơn Hà Free Solar để phát triển lĩnh vực kinh doanh năng lượng điện.

Trong năm 2020, Tập đoàn đã tham gia thành lập Công ty TNHH Quản lý Vận hành và Kinh doanh nước sạch Sơn Hà để phát triển ngành khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Chuyển nhượng

Ngày 29/10/2020, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Wegen Energy Viet Nam (được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Sơn Hà –Wegen) cho Công ty TNHH Wegen Viet Nam Holdings theo hợp đồng chuyển nhượng số 06/2020/CNVG/SH-Wegen. Đồng thời cùng ngày 29/10/2020, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị số 40/2020/NQ-SH thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH Wegen Energy Viet Nam.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất và gia công cơ khí các sản phẩm, đồ dùng bằng kim	100%	100%	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
		loại			
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Lô CNI, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Kinh doanh thương mại	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền	Lô CNI, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất, dịch vụ	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà	Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất bình Thái Dương năng	51,59%	51,59%	51,59%
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	Lô CNI, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Kinh doanh thương mại	51%	54,26%	51%
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Lô CNI, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	69%	75,74%	69%
Son Ha Myanmar International Limited	No. 33/B Damaryone Street, Ward No. 15, Baukhtaw, Yankin Township, Yangon, Myanmar	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	52,5%	52,5%	52,5%
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ (*)	Khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	74,34%	74,34%	74,34%
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà	Lô CNI, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất nước thương mại	60%	60%	60%
Công ty Cổ phần Điện Mặt trời Sơn Hà Free Solar	Lô CNI, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất điện	90%	100%	90%
Công ty TNHH Quản lý Vận Hành và Kinh Doanh nước sạch Sơn Hà	Lô CNI, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Khai thác và xử lý nước	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty con gián tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp	74,34%	74,34%	74,34%
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Lô CN07, Khu CN, đô thị Thuận Thành II, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	74,34%	74,34%	74,34%
Công ty Cổ phần Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	Lô CN08, Khu CN, đô thị Thuận Thành II, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm thiết bị nhà bếp	74,34%	74,34%	74,34%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Trường Thịnh	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	vận tải hàng hóa bằng đường bộ	51%	51%	51%
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển và Dịch vụ Quốc tế Thiên Sơn	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	vận tải hàng hóa bằng đường bộ	51%	26,01%	51%

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Số 8, đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Dịch vụ trò chơi trực tuyến và trò chơi điện tử; Cho thuê mặt bằng kinh doanh (trong trung tâm thương mại)	20,13%	20,13%	20,13%
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Cung cấp, phân phối nước sạch	20,15%	20,15%	20,15%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý IV.2020, Tập đoàn có 1.825 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.944 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản công nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí thuê nhà, chi phí quảng cáo. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo, thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng thuê nhà.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 25

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 – 10 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	9.033.857.776	14.551.422.990
Tiền gửi ngân hàng	173.819.418.979	127.364.891.453
Tiền đang chuyển	14.704.740	-
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	22.093.603.354	500.000.000
Cộng	204.961.584.849	142.416.314.443

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	<i>226.272.216.533</i>	<i>89.462.580.000</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	226.272.216.533	89.462.580.000
<i>Dài hạn</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>18.870.000.000</i>
Trái phiếu	5.000.000.000	18.870.000.000
Cộng	231.272.216.533	108.332.580.000

2b. Đầu tư vào công liên kết

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Cộng
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	31.405.778.616	(31.405.778.616)	31.405.778.616	(31.405.778.616)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần PJ Mercury Việt Nam				59.999.400.000		59.999.400.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	12.259.031.850	(410.606.442)	11.848.425.408	12.259.031.850	(784.360.536)	11.474.671.314
Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen				11.000.000.000	(2.142.249.650)	8.857.750.350
Cộng	43.664.810.466	(31.816.385.058)	11.848.425.408	114.664.210.466	(34.332.388.802)	80.331.821.664

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Ngày 29/10/2020, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Wegen Energy Viet Nam (được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Sơn Hà –Wegen) cho Công ty TNHH Wegen Viet Nam Holdings theo hợp đồng chuyển nhượng số 06/2020/CNVG/SH-Wegen. Đồng thời cùng ngày 29/10/2020, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị số 40/2020/NQ-SH thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH Wegen Energy Viet Nam.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là khoản đầu tư vào 271.000 cổ phiếu của Công ty Bất động sản Havico.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	14.297.326.716	19.533.828.382
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	8.841.277.408	13.651.238.634
Công ty Cổ phần Đầu tư LGC Việt Nam (trước là Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam)		563.841
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	571.840.281	1.012.637.026
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại tổng hợp Sơn Hà	4.384.588.727	4.384.588.727
Công Ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn - Chu Lai	3.842.300	232.942.347
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	297.778.000	132.778.000
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Dịch	99.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
vụ SAKURA		
Công ty TNHH Một thành viên sản xuất Đầu tư và Phát triển Hoàng Hà	99.000.000	
Công ty Cổ Phần Sơn Hà - Wegen	-	119.079.807
Phải thu các khách hàng khác	1.643.392.538.562	1.309.785.259.104
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Đại An	239.026.432.242	149.152.612.352
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hưng	296.025.458.661	156.644.890.533
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xuyên Thái Bình Dương	154.268.468.157	157.640.112.031
Công ty TNHH Thương Mại và Đầu Tư Phát Triển Thiên Phú	140.575.583.488	85.724.113.913
Các khách hàng khác	813.496.596.014	760.623.530.275
Cộng	1.657.689.865.278	1.329.319.087.486
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HTDT Tuấn Linh	-	297.935.374
Công ty TNHH Thương Mại Và Sản Xuất Chấn Hưng (*)	-	50.000.000.000
Công ty TNHH tối ưu mạng nước	4.023.747.300	-
Công ty TNHH Thiện Hải Thái Nguyên	7.014.173.752	-
Công ty TNHH thương mại Inox Nhật Minh	28.883.749.447	-
Công ty Cổ phần Thương mại XNK Minh Ngọc	23.355.550.863	-
Công ty Cổ phần Thiết kế kiến trúc Xây Dựng và Tư vấn Đầu tư Đông Dương	3.768.490.513	-
Các nhà cung cấp khác	38.557.555.301	49.841.642.811
Cộng	105.603.267.176	100.139.578.185

(*) Là khoản trả trước theo Hợp đồng số 03/2019/TMC-CH ngày 01 tháng 12 năm 2019 được ký kết giữa Công ty với Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hưng. Theo Hợp đồng này, Công ty sẽ thanh toán trước cho bên bán 50.000.000.000 VND ngay sau khi ký Hợp đồng. Số tiền đặt cọc này sẽ được trừ dần vào mỗi lần giao hàng. Đến 30.09.2020, hợp đồng đã được thực hiện hết.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đại lý Nguyễn Thị Mai (Nam Hồng) Hà Nam		10.000.000.000
Đại lý Nguyễn Thị Khuyên Luyện - Văn Giang Hưng Yên		9.500.000.000
Đại lý Đinh Duy Tuấn - Hà Nội		15.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đại lý Lê Bích Thủy -Lào Cai		8.000.000.000
Các tổ chức và cá nhân khác	912.000.000	11.335.900.000
Cộng	912.000.000	53.835.900.000

6. Phải thu ngắn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	552.947.849		1.173.017.936	
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	-		119.970	
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	50.459.000		50.459.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư LGC Việt Nam - Tiền thuê xe, tiền lãi dự thu	502.488.849		502.488.849	
Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen	-		617.414.367	
Cá nhân có liên quan	-		2.535.750	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	120.203.332.533		137.884.451.951	
Ông Lê Văn Tấn	-		284.548.088	
Ông Kiều Thanh Phong	536.000.000		536.000.000	
Ông Nguyễn Văn Thảo	536.000.000		536.000.000	
Lưu Quốc Bảo - tạm ứng mua hàng	-		2.994.384.000	
Tạm ứng của cá nhân khác	5.587.676.888		6.766.352.769	
Ký cược, ký quỹ	9.081.178.580		7.550.810.407	
Ký quỹ Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc (*)	35.000.000.000		35.000.000.000	
Ông Nguyễn Trọng Minh	-		35.000.000.000	
Phải thu nhân viên kinh doanh	-		6.063.658.602	
Lãi cho vay	-		123.583.562	
Đào Thị Thảo - Tạm ứng dự án	10.510.163.760		-	
Nguyễn Hữu Tuấn tạm ứng dự án	7.999.990.000		-	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	50.952.323.305		43.029.114.523	
Cộng	120.756.280.382		139.057.469.887	

(*) Là khoản tiền chuyển cho Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc theo Hợp đồng đặt cọc số 01/2019/TMC-MN ngày 10 tháng 12 năm 2019 giữa Công ty với Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc. Theo Hợp đồng này, Công ty đặt cọc khoản tiền 35.000.000.000 VND để đảm bảo giữ chỗ quyền mua lô đất có diện tích 3ha thuộc dự án “ Xây dựng Cụm công nghiệp Thụy Lâm” nằm trong khu đất Dự án Cụm công nghiệp Thụy Lâm, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội mà Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Minh Ngọc là đồng chủ đầu tư dự án. Thời gian đặt cọc là 180 ngày. Ngày 19 tháng 12 năm 2019, Công ty đã chuyển tiền đặt cọc theo Hợp đồng này

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	4.120.701.105	-	3.785.756.401	-
Lê Trần Trọng Thái	795.402.233	(795.402.233)	795.402.233	(795.402.233)
Các khoản phải thu dài hạn khác		-	-	-
Cộng	4.916.103.338	(795.402.233)	4.581.158.634	(795.402.233)

7. Dự phòng phải thu khó đòi

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Kim loại Việt	trên 3 năm	3.540.903.520	(3.540.903.520)	trên 3 năm	3.540.903.520	(3.540.903.520)
Công ty TNHH Inox Hùng Anh	trên 3 năm	1.891.351.348	(1.891.351.348)	trên 3 năm	1.891.351.348	(1.891.351.348)
Các đối tượng khác		6.366.523.015	(5.780.585.947)	trên 3 năm	4.520.902.134	(4.208.078.722)
Cộng		11.798.777.883	(11.212.840.815)		9.953.157.002	(9.640.333.590)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	8.844.931.357	795.402.233	9.640.333.590
Trích lập dự phòng bổ sung	1.572.507.225	-	1.572.507.225
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-
Số cuối kỳ	10.417.438.582	795.402.233	11.212.840.815

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	42.977.171.898	-	71.877.702.089	-
Nguyên liệu, vật liệu	381.414.508.744	-	449.528.332.006	(966.553.144)
Công cụ, dụng cụ	9.645.311.318	-	13.018.863.818	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.365.171.298	-	4.635.599.425	-
Thành phẩm	188.944.645.675	-	187.432.265.987	(810.668.673)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	367.580.649.630	-	325.920.755.325	-
Hàng gửi bán	71.765.494	-	135.080.982	-
Cộng	999.999.224.057		1.052.548.599.632	(1.777.221.817)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.777.221.817	1.598.089.751
Trích lập dự phòng bổ sung		1.011.167.699
Hoàn nhập dự phòng	(1.777.221.817)	(832.035.633)
Số cuối kỳ	-	1.777.221.817

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	777.874.620	606.913.055
Công cụ dụng cụ	1.957.773.155	2.454.983.069
Chi phí quảng cáo	263.260.668	645.314.758
Chi phí thuê nhà, thuê kho, xưởng	5.080.046.493	4.013.542.149
Chi phí hàng nhập khẩu	74.488.795	262.538.846
Chi phí sửa chữa cải tạo	448.839.156	324.359.780
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	7.150.014.379	3.404.882.349
Cộng	15.752.297.266	11.712.534.005

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	14.328.260.186	16.735.105.813
Chi phí thuê nhà, thuê kho, xưởng	1.582.614.063	2.549.879.236
Chi phí thuê đất (*)	49.109.384.192	51.182.471.462
Chi phí giải phóng, san lấp mặt bằng	4.144.028.952	4.198.709.039
Sửa chữa, cải tạo thiết bị, văn phòng	5.688.083.218	3.590.707.887
Chi phí quảng cáo	2.504.142.466	29.007.014
Showroom	67.642.437.227	86.452.610.000
Các chi phí trả trước dài hạn khác	9.645.798.341	2.359.382.517
Cộng	154.644.748.645	167.097.872.968

(*) Chi phí thuê đất là quyền sử dụng 02 lô đất của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà được sử dụng để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	356.554.825.292	508.361.367.959	145.415.556.186	14.461.174.850	1.024.792.924.287
Mua trong năm	71.906.618.363	44.401.335.225	7.933.774.202	971.181.347	125.212.909.137
Đầu tư XDCB hoàn thành	9.120.520.728	-	-	-	9.120.520.728
Tặng khác	-	-	3.417.228.815	-	3.417.228.815
Thanh lý, nhượng bán	-	(921.051.707)	-	(32.656.364)	(953.688.071)
Giảm khác	(591.148.860)	(4.430.772.961)	(22.665.700)	(8.210.125)	(5.052.797.646)
Số cuối kỳ	436.990.815.523	547.410.878.516	156.743.893.503	15.391.509.708	1.156.537.097.250
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	67.803.736.405	277.052.334.035	53.370.703.975	9.334.737.930	407.561.512.346
Khấu hao trong năm	19.497.380.974	37.546.939.375	13.922.700.222	1.711.592.164	72.678.612.734
Tặng khác	-	-	313.568.019	-	313.568.019
Thanh lý, nhượng bán	-	(61.598.401)	(253.733.297)	(6.527.280)	(321.858.978)
Giảm khác	-	(2.083.334)	(10.333.136)	-	(12.416.470)
Số cuối kỳ	87.301.117.379	314.535.591.675	67.342.905.783	11.039.802.814	480.219.417.651
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	288.751.088.887	231.309.033.924	92.044.852.211	5.126.436.920	617.231.411.941
Số cuối kỳ	349.689.698.144	232.875.286.841	89.400.987.720	4.351.706.894	676.317.679.599

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	22.655.651.475	27.510.449.546	50.166.101.021
Thuê tài chính trong năm	4.808.100.873	13.338.596.491	18.146.697.364
Giảm khác	-	(674.281.457)	(674.281.457)
Số cuối kỳ	<u>27.463.752.348</u>	<u>40.174.764.580</u>	<u>67.638.516.928</u>
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.526.243.720	4.290.383.552	6.816.627.272
Khấu hao trong năm	3.275.359.587	4.495.838.693	7.771.198.280
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
Giảm khác	-	(315.543.459)	(315.543.459)
Số cuối kỳ	<u>5.801.603.307</u>	<u>8.470.678.786</u>	<u>14.272.282.093</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	<u>20.129.407.755</u>	<u>23.220.065.994</u>	<u>43.349.473.749</u>
Số cuối kỳ	<u>21.662.149.041</u>	<u>31.704.085.794</u>	<u>53.366.234.835</u>

Theo các hợp đồng thuê tài sản, Tập đoàn được quyền mua lại tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	19.094.043.597	6.472.442.089	25.566.485.686
Mua trong năm	-	731.790.000	731.790.000
Số cuối kỳ	<u>19.094.043.597</u>	<u>7.204.232.089</u>	<u>26.298.275.686</u>
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	4.782.981.070	3.908.548.140	8.691.529.210
Khấu hao trong năm	539.242.944	871.509.127	1.410.752.071
Số cuối kỳ	<u>5.322.224.014</u>	<u>4.780.057.267</u>	<u>10.102.281.282</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	<u>14.311.062.527</u>	<u>2.563.893.949</u>	<u>16.874.956.476</u>
Số cuối kỳ	<u>13.771.819.583</u>	<u>2.424.174.822</u>	<u>16.195.994.404</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng Tài sản cố định	Kết chuyển vào chi phí trả trước	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ, giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	583.922.459	7.826.436.870	(6.164.502.578)		(759.949.545)	1.485.907.206
Xây dựng cơ bản dở dang	112.401.671.639	153.699.334.481	(107.234.651.133)		(35.777.985.517)	123.088.369.470
Dự án Bắc Cò Nhuế - Chèm ⁽ⁱ⁾	4.750.000.000	-	-		-	4.750.000.000
Dự án nước Hà Đông ⁽ⁱⁱ⁾	50.063.644.956	38.369.901.582	(6.691.829.558)		(32.037.921.259)	49.703.795.721
Dự án Tam Dương	1.007.578.440	1.485.296.911	-			2.492.875.351
Dự án Vân Côn, An Thượng ⁽ⁱⁱⁱ⁾	42.411.248.677	18.390.574.369	(57.159.166.862)		(3.642.656.184)	-
Dự án 3 xã Bình Minh, Thanh Cao, Thanh Mai ^(iv)	4.289.193.182	38.825.708.594	-		-	43.114.901.776
Dự án làm sạch nước (khu thiết ứng Đông Anh)	837.273.338	10.194.311.303	-		-	11.031.584.641
Dự án điện mặt trời áp mái tại Cảng Cá	-	10.127.932.727	(10.127.932.727)		-	-
Dự án điện mặt trời áp mái tại khu CN Chu Lai	-	13.365.873.933	(13.365.873.933)		-	-
Dự án nhà máy Càn Thơ	2.338.742.803	13.588.054.248	(15.734.797.051)		-	192.000.000
Dự án khác	6.703.990.243	9.351.680.814	(4.155.051.002)		(97.408.074)	11.803.211.981
Sửa chữa lớn tài sản cố định	81.225.852	1.924.974.586	(81.225.852)			1.924.974.586
Cộng	113.066.819.950	163.450.745.937	(113.480.379.563)		(36.537.935.062)	126.499.251.262

⁽ⁱ⁾ Dự Dự án tại lô đất D2 - CT1, Khu vực Bắc Cò Nhuế - Chèm, quận Bắc Từ Liêm đã quá hạn để làm các thủ tục đầu tư và được UBND Thành phố Hà Nội chỉ đạo Sở kế hoạch đầu tư Hà Nội làm thủ tục hủy bỏ kết quả đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Cho đến thời điểm hiện tại chưa có văn bản chính thức của các Sở ban ngành về việc xử lý số tiền Công ty đã nộp vào Ngân sách nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Dự án đầu tư và xây dựng lắp đặt trạm xử lý nước sạch Hà Đông giai đoạn 1 đã đi vào hoạt động dựa trên Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) số 91/2017/HĐHTKD-NHD-SONHA ngày 30/05/2017 giữa Công ty nước sạch Hà Đông với Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và Phụ lục bổ sung số 01/2020/HĐHTKD-NHD-SONHA. Hiện tại dự án đang tiếp tục triển khai đầu tư giai đoạn 2 để tổ chức thiết kế hệ thống xử lý nước theo công nghệ Nhật Bản, đảm bảo nước đầu ra đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế và tích hợp đồng bộ với hệ thống xử lý nước hiện có để nâng công suất cấp nước của nhà máy đạt 30.000m³/ ngày đêm.
- (iii) Dự án xây dựng mạng lưới cấp nước 02 xã Vân Côn, An Thượng thuộc Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư tại quyết định 7246/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 và được chấp thuận chủ trương thực hiện dự án bằng hình thức hợp tác kinh doanh tại quyết định 3590/UBND- DT ngày 24/7/2017. Tiến độ thực hiện theo quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư nêu trên và điều khoản hợp đồng hợp tác kinh doanh số 876/2017/HĐ HTKD - NHD - SONHA ngày 02/8/2017 giữa Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội, đưa dự án vào hoạt động trong năm 2017. Đến hiện tại dự án nước này đã được hoàn thành và đưa vào hoạt động kinh doanh
- (iv) Dự án Dự án xây dựng mạng lưới cấp nước sạch liên xã Bình Minh, Thanh Cao, Thanh Mai, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định 709/QĐ - UBND ngày 11/02/2019 với liên doanh 2 nhà thầu Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà. Hiện tại dự án đang tiếp tục triển khai và sẽ hoàn thành theo tiến độ tại quyết định số 1466/QĐ - UBND ngày 13/4/2020 của UBND thành phố Hà Nội.
- Công trình xây dựng dở dang được thế chấp để đảm bảo cho các khoản phát hành trái phiếu.

15
P. H. V.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Lợi thế thương mại

Là khoản lợi thế thương mại khi ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà và Công ty Cổ phần Sản xuất – Kinh doanh Toàn Mỹ. Chi tiết như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	5.413.151.243	6.126.267.483
Phát sinh trong năm	-	-
Số phân bổ trong năm	<u>(713.116.240)</u>	<u>(713.116.240)</u>
Số cuối năm	<u>4.700.035.003</u>	<u>5.413.151.243</u>

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	2.712.402.125	5.526.394.275
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	2.712.402.125	5.495.820.836
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	-	30.573.439
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	299.521.508.512	237.993.295.132
Công ty TNHH POSCO VST	94.730.812.208	60.929.615.546
Công ty TNHH Thương mại Inox Nhật Minh	-	16.830.525.121
Công ty TNHH Thương Mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc	-	8.920.840.598
WATCH WATER GmbH (NK)	5.977.742.856	-
Công ty TNHH Một thành viên Nước Sạch Hà Đông	29.178.576.517	11.685.919.511
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Thiên Long	997.120.930	14.560.008.903
Canadian Solar South East Asia PTE LTD	9.940.525.468	-
Công ty TNHH Công nghệ ánh dương Việt Nam	4.028.459.287	-
Công ty HYOSUNG TNC CORPORATION	37.291.854.079	-
Các nhà cung cấp khác	<u>117.376.417.167</u>	<u>125.066.385.453</u>
Cộng	<u>302.233.910.637</u>	<u>243.519.689.407</u>

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
DEPO BANGUNAN	-	1.323.146.710
PT.PALMA CONTE MAS	841.178.300	-
PT ACE HARDWARE INDONEXIA ,Tbk	1.336.325.978	-
XK.METALLICA METALS INDIA	2.411.209.980	-
XK_MARVEL IMPEX	1.659.316.800	-
Các khách hàng khác	<u>38.366.274.607</u>	<u>12.840.805.701</u>
Cộng	<u>44.614.305.665</u>	<u>14.163.952.411</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	8.810.311.195	17.978.935	48.207.422.492	(50.009.106.388)
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	144.736.402.912	(144.736.402.912)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	12.835.912.793	(12.835.912.793)
Thuế xuất, nhập khẩu	-	333.472.939	1.556.231.951	(1.614.486.975)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.976.445.416	718.098.471	36.121.858.777	(40.022.202.979)
Thuế thu nhập cá nhân	1.322.118.057	138.930.571	7.680.961.342	(6.079.502.494)
Thuế tài nguyên	92.497.800	-	2.199.991.565	(2.014.626.365)
Thuế nhà đất	-	-	280.800	(280.800)
Tiền thuê đất	-	91.020.850	169.105.321	(78.084.471)
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	9.250.000	(9.250.000)
Các loại thuế khác	6.005.332	1.000.000	101.997.066	(100.997.065)
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.000.000	2.988.660.778	(2.988.660.778)
Cộng	28.207.377.800	1.302.501.766	256.608.075.797	(260.489.514.019)
				7.008.627.298
				20.068.972
				-
				-
				391.727.963
				834.200.302
				172.062.968
				-
				-
				-
				6.005.333
				-
				2.000.000
				-
				24.441.407.980
				1.420.060.205

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An đang được hưởng ưu đãi với thuế suất ưu đãi là 10%.

Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh và Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà được miễn thuế trong 02 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50 % số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo.

Các công ty khác trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo Thông báo của Cục thuế Thành phố Hà Nội với diện tích 8.793 m² đất tại lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội với đơn giá 11.567 VND/m²; diện tích 44.800 m² tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội với đơn giá 45.020 VND/m².

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương tháng 13, lương phép	6.752.775.881	1.115.687.971
Chi phí lãi vay phải trả	1.810.384.883	3.121.493.039
Phải trả các khoản thưởng Nhà phân phối	476.737.929	1.070.660.862
Chi phí hàng khuyến mại	1.170.601.303	1.635.754.743
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn dự án	-	568.476.888
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	12.577.990.965	9.053.656.566
Cộng	22.788.490.961	16.565.730.069

19. Phải trả khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.923.443.803	1.483.504.530
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	150.485.548	83.753.607
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	703.642.700	370.773.264
Phải trả LC UPASS - Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	62.971.317.194	53.910.140.631
Phải trả LC UPASS - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	298.546.416.528	166.012.622.681
Phải trả LC UPASS - Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Hoài Đức	8.499.168.858	-
Phải trả LC UPASS - Ngân hàng VP Bank	35.195.990.340	-
Đặt cọc dự án nước Vân Côn An Thượng	-	8.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cổ tức cá nhân khác	57.013.725.065	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	17.753.581.119	5.678.835.653
Cộng	482.757.771.155	235.539.630.366

19b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	734.522.866	744.522.866
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	574.770.000	-
Cộng	1.309.292.866	744.522.866

20. Vay và nợ thuê tài chính**20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.967.183.151.760	1.969.900.495.908
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.891.874.239.847	1.852.265.915.764
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân⁽ⁱ⁾</i>	673.907.173.070	677.753.094.035
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức⁽ⁱⁱ⁾</i>	517.926.012.608	565.863.855.674
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yangon⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	-	3.574.473.300
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương^(iv)</i>	118.907.746.753	119.960.588.554
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương^(v)</i>	45.950.667.753	55.467.030.020
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Từ Liêm^(vi)</i>	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh^(vii)</i>	16.087.896.631	23.764.077.977
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương^(viii)</i>	-	99.759.291.050
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh^(ix)</i>	31.959.608.451	29.588.553.400
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình^(x)</i>	-	111.985.745.764
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa^(xi)</i>	-	129.638.460.503
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long^(xii)</i>	82.785.184.660	-
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính^(xiii)</i>	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hồ Gươm ^(xiv)</i>	94.086.234.865	14.227.699.377
<i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong - chi nhánh Tây Hà Nội ^(xv)</i>	26.395.428.860	20.683.046.110
<i>Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam ^(xvi)</i>	45.748.039.127	-
<i>Ngân hàng ESUN BANK- Chi nhánh Đồng Nai ^(xvii)</i>	43.493.342.629	-
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ^(xviii)</i>	148.701.054.315	-
<i>Ngân hàng First Commercial - Chi nhánh Hà Nội ^(xix)</i>	45.925.850.125	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	3.702.500.000	785.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	34.183.342.547	83.035.472.300
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân</i>	2.097.413.716	6.074.917.717
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đồng Đa</i>	145.932.600	1.162.782.272
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoài Đức (trước là Chi nhánh Hà Tây)</i>	24.000.000.000	60.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương</i>	2.558.005.612	5.794.155.061
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung</i>	-	3.066.528.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Nghệ An</i>	-	984.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây</i>	5.131.990.619	5.700.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương</i>	-	253.089.250
<i>Quỹ đầu tư và phát triển thành phố Hà Nội</i>	250.000.000	
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	15.619.694.366	11.814.107.844
<i>Công ty Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP ACB</i>	543.994.250	1.184.604.024
<i>Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV-Sumit Trust-CN Hà Nội</i>	8.733.077.640	6.536.231.820
<i>Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV NHTM CP CT VN</i>	4.093.272.000	4.093.272.000
<i>Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam</i>	2.249.350.476	-
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	21.803.375.000	22.000.000.000
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	21.803.375.000	22.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cộng

1.967.183.151.760

1.969.900.495.908

Các khoản vay tại Công ty mẹ

- (i) Các khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2020/147831/HĐTD ngày 25 tháng 09 năm 2020 với tổng hạn mức tín dụng 720.000.000.000 VND mục đích để tài trợ vốn lưu động, lãi suất điều chỉnh theo thông báo của bên cho vay, tài sản đảm bảo là các khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ được giao kết trước ngày hợp đồng vay.
- (ii) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/147831/HĐTD ngày 25 tháng 09 năm 2020 với tổng hạn mức tín dụng 480.000.000.000 VND mục đích để tài trợ vốn lưu động, lãi suất điều chỉnh theo thông báo của bên cho vay, tài sản đảm bảo là các khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ được giao kết trước ngày hợp đồng vay.
- (iv) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 200017/CTD/NHNTHD ngày 25 tháng 03 năm 2020 với hạn mức 120.000.000.000 VND để thanh toán tiền mua nguyên liệu và các chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn là 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất thả nổi, được đảm bảo bằng thế chấp tài sản là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.
- (vi) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1410LAV202000089 ngày 14/02/2020 với hạn mức 100.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay 7 tháng, lãi suất cho vay 8%/năm nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
- (x) Các khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 26136.19.086.588663.TD ngày 08 tháng 5 năm 2019 với hạn mức 200.000.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho vay trong năm từ 6,40%/năm đến 7,00%/năm, thời hạn vay 06 tháng cụ thể theo từng Giấy nhận nợ, tài sản đảm bảo là các giấy tờ có giá và các bất động sản của công ty.
- (xiv) Khoản vay theo Hợp đồng sử dụng hạn mức tối ưu thanh khoản số 09062020/HĐTUTK-SONHA ngày 09/06/2020; số 16062020-01/HĐTUTK-SONHA ngày 16/06/2020; số 16062020-02/HĐTUTK-SONHA ngày 16/06/2020 và số 17062020/HĐTUTK-SONHA ngày 17/06/2019 với mức lãi suất 6,9%, thời hạn vay 6 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động.
- (xv) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 125/2020/HĐTD/TTKD KMA/01 ngày 08/12/2020 hạn mức 150.000.000.000 VNĐ, mục đích bổ sung vốn lưu động, mở LC trả chậm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- (xvii) Khoản vay theo Thỏa thuận tín dụng số 10000693LD001202049 ngày 06/10/2020 với hạn mức 2.000.000 USD (Bằng chữ: Hai triệu Đô La Mỹ chẵn), thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất được áp dụng cho khoản tín dụng theo từng kì tính lãi sẽ là mức lãi suất theo qui định của ngân hàng, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
- (xviii) Các khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2020-HĐCVHM/NHCT320-SONHA ngày 23 tháng 11 năm 2020 với tổng hạn mức 150.000.000.000 VND, mục đích để bổ sung vốn lưu động, lãi suất điều chỉnh theo thông báo của bên cho vay, thời hạn vay 06 tháng, tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất và bất động sản.
- (xiv) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 30200134 ngày 08 tháng 12 năm 2020, hạn mức cho vay 2.000.000 USD (Bằng chữ: Hai triệu Đô La Mỹ chẵn) để mua nguyên vật liệu, hàng hóa nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay 180 ngày tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

đến ngày đáo hạn quy định trên văn bản nhận nợ, lãi suất được áp dụng cho khoản tín dụng theo từng kì tính lãi sẽ là mức lãi suất theo qui định của ngân hàng.

Các Khoản vay tại Công ty Cổ phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng số 01/2020/4916331/HĐTD ngày 22/09/2020, hạn mức 50.000.000.000 VND mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay tại Công ty TNHH Một thành viên SSP Việt Nam

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng số 01/2020/7989546/HĐTD ngày 26/05/2020, hạn mức 230.000.000.000 VND mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoài Đức theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/7989546/HĐTD ngày 26/05/2020 với tổng hạn mức 100.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được đảm bảo chung bằng tài sản là nguyên vật liệu, bán thành phẩm đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.
- (ix) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh theo Hợp đồng số 20.62.0021/2020-HĐCV HM/NHCT264-SON HA SSP với tổng hạn mức 32.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm như ống thép inox. Lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay không quá 6 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng bằng Hợp đồng tiền gửi ngân hàng của Công ty là 5.000.0000.000 VND. và hợp đồng trái phiếu là:3.000.000.000 VND.
- (xii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng cấp tín dụng số 50678.20.058.2475643.TD ngày 06/10/2020, hạn mức cho vay là 170.000.000.000 VND, thời hạn không quá 6 tháng, mục đích phục vụ lĩnh vực sản xuất kinh doanh ống thép Inox. Lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được bảo đảm bằng hàng tồn kho luân chuyển thành phẩm ống thép tại kho Nhà máy Phùng.
- (xvi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch căn cứ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 123/2020/HĐTD ngày 18/06/2020 với tổng hạn mức cho vay là 100.000.000.000 đồng nhằm tài trợ nhập khẩu, tiền điện và tiền lương nhân công, tiền thuế nhập khẩu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh inox của Công ty. Lãi suất cho vay được tính trên dư nợ gốc thực tế giảm dần và mức lãi suất cho vay được các bên thỏa thuận cụ thể tại Khế ước nhận nợ/ Giấy nhận nợ, thời hạn không vượt quá 6 tháng cho từng lần giải ngân.

Các khoản vay tại Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/7696459/HĐTD ngày 10 tháng 10 năm 2019 với hạn mức 100.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C với lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

kỳ. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 06 tháng 10 năm 2021. Tài sản đảm bảo cho từng khoản vay là quyền sử dụng đất, văn phòng nhà xưởng, một số máy móc thiết bị và một số ô tô của đơn vị.

- (vii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2020-HĐCVHM/NHCT440-SONHANGHEAN ngày 11 tháng 09 năm 2020 với hạn mức 25.000.000.000 VND để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 11 tháng 09 năm 2021. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là một số ô tô của đơn vị và 20.000 trái phiếu mua của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

Khoản vay tại Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ

- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng cấp tín dụng số 010K19 ngày 10 tháng 04 năm 2019 với hạn mức tín dụng là 60 tỷ VND để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 08 tháng đối với sản xuất, và 3 tháng đối với thương mại. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại nhà xưởng Bình Dương 1 theo Hợp đồng thế chấp số 214TC17 ngày 11 tháng 10 năm 2017.

Khoản vay tại Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ miền Trung

- (viii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2020-HĐCVHM/NHCT440-TOANMY, hạn mức tín dụng 15.000.000.000 duy trì từ 12/05/2020 đến hết 12/05/2021, bao gồm cả khoản nợ được điều chỉnh bởi hợp đồng cho vay hạn mức 01/2019/HĐCVHM/NHCT440-TOANMYMT ngày 03/05/2019. Khoản vay sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, với lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, thời hạn vay không quá 6 tháng. Tài sản đảm bảo là các nhà xưởng, máy móc thiết bị và xe cơ giới.

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	264.105.684.949	227.216.117.712
Vay dài hạn ngân hàng	231.691.615.833	174.749.094.733
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Nghệ An ⁽ⁱ⁾</i>	<i>12.501.500.000</i>	<i>2.214.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱⁱ⁾</i>	<i>48.888.963.260</i>	<i>54.020.953.879</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung ⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	<i>25.551.946.166</i>	<i>28.109.951.778</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoài Đức (trước là Chi nhánh Hà Tây) ^(iv)</i>	<i>93.999.153.530</i>	<i>87.999.153.530</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân ^(v)</i>	<i>7.390.000.000</i>	<i>2.259.102.946</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa ^(vi)</i>	<i>-</i>	<i>145.932.600</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Quỹ đầu tư và phát triển thành phố Hà Nội^(vii)</i>	43.360.052.877	-
Nợ thuê tài chính	32.414.069.116	30.860.272.979
<i>Công ty Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP ACB</i>	-	627.337.988
<i>Công ty Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	3.625.742.000	7.719.014.000
<i>Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST – Chi nhánh Hà Nội</i>	22.040.275.703	22.513.920.991
<i>Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam</i>	6.748.051.413	-
Trái phiếu thường dài hạn	-	21.606.750.000
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Thanh Xuân^(viii)</i>	-	21.606.750.000
Cộng	264.105.684.949	227.216.117.712

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Các khoản vay tại Công ty mẹ

- (v) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 02/2016/147831/HĐTĐ ngày 03 tháng 10 năm 2016, số tiền vay bao gồm cả VND và ngoại tệ với mục đích đầu tư máy móc thiết bị sản xuất Inox và phương tiện vận tải. Thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất vay VND là 11%.
- (ii) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây: Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư 85/17/KHDN/TDN/VCBHT-SH ngày 29 tháng 8 năm 2017 mục đích thực hiện dự án Xây dựng trạm xử lý nước Dương Nội, quận Hà Đông, công suất 30.000 m3/ngđ, dư nợ vay tối đa là 100.000.000.000 VND, thời hạn vay: 15 năm, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trong tương lai từ dự án trạm xử lý nước Dương Nội có công suất 30.000 m3/ngày và các hạng mục có liên quan thuộc dự án Xây dựng Trạm xử lý nước Dương Nội, quận Hà Đông.
- (iii) Khoản vay theo HĐ số 62/2017-HDDCVDDADDT/NHCT324-SONHA ngày 29/12/2017 mục đích thanh toán các chi phí để thực hiện phương án hợp tác kinh doanh số 876/2017/HĐHTKD-NHĐ-SONHA ngày 02/08/2017 giữa công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông và công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà để thực hiện dự án đầu tư “Xây dựng mạng lưới cấp nước liên xã Vân Côn- An Thượng, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội”, dư nợ vay tối đa là 57.513.000.000 VND và không vượt quá 62,5% tổng mức đầu tư của dự án (bao gồm VAT), thời hạn vay: 144 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản phát sinh từ dự án “Xây dựng mạng lưới cấp nước liên xã Vân Côn- An Thượng, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội” mà Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông và Công ty CP Quốc tế Sơn Hà Hợp tác đầu tư.
- (vii) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 06/2019/HĐTĐ-SHI ngày 30/09/2019 giữa Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội thời hạn 138 tháng, hạn mức 61.311.000.000 VNĐ, Lãi suất 6,95%/năm, mục đích sử dụng tiền vay thanh toán chi phí thực hiện các gói thầu của dự án.
- (viii) Trái phiếu thường và có đảm bảo được phát hành cho Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với năm hạn 5 năm, mệnh giá 110.000.000.000 VND. Lãi suất cho năm tính lãi đầu tiên là 9,8%/năm, cho các năm tính lãi tiếp theo là trung bình cộng lãi suất tiền gửi

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tiết kiệm cá nhân trả sau bằng VND năm hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Sở Giao dịch cộng với 3,15%/năm. Mục đích phát hành là để thực hiện xây dựng nhà máy Sơn Hà Nghệ An và dự án thi công các Showroom của Công ty.

Tài sản đảm bảo hình thành từ vốn vay bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất; máy móc thiết bị và phương tiện vận tải thuộc Dự án Xây dựng Nhà máy Sơn Hà Nghệ An; 2.525.000 Cổ phiếu SHI của Ông Lê Vĩnh Sơn, 2.175.000 Cổ phiếu SHI của Ông Lê Hoàng Hà.

Khoản vay tại Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam

(v) Bao gồm 2 hợp đồng vay:

Hợp đồng tín dụng số 02/2019/7989546/HĐTD ngày 18/10/2019 mục đích mua sắm tài sản cố định là 2 xe ô tô, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản có giá trị còn lại tại ngày 30/06/2020 là 16.895.143.331 VND (tại thời điểm 01/01/2020 là 5.542.307.806 VND).

Hợp đồng tín dụng số 03/2019/7989546/HĐTD ngày 5/12/2019 mục đích mua sắm tài sản, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ khoản vay.

(vi) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 18024.16.058.2475643.TD, mục đích để đầu tư máy móc thiết bị, phương tiện vận tải mới phục vụ 100% nhu cầu đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay đối với phương tiện vận tải là tối đa 60 tháng, đối với máy móc thiết bị là tối đa 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân.

Khoản vay tại Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức theo hợp đồng số 01/2017/8799911/HĐTD ngày 10 tháng 3 năm 2017, mục đích vay để đầu tư nhà máy sản xuất thiết bị gia dụng tại khu công nghiệp, đô thị Thuận Thành II, huyện Thuận Thành II, tỉnh Bắc Ninh, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần.

Khoản vay tại Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoài Đức theo hợp đồng số 01/2017/9309762/HĐTD ngày 10 tháng 3 năm 2017, mục đích để đầu tư nhà máy sản xuất thiết bị nhà bếp tại khu công nghiệp, đô thị Thuận Thành II, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, với lãi suất 10%/năm áp dụng từ thời điểm giải ngân đến ngày 31/3/2017 và các kỳ tiếp theo áp dụng lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Khoản vay tại Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam - Chi nhánh Nghệ An theo hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 01/2018/HĐCVDADT/NHCT440-TOANMY ngày 31/01/2018 và số 01/2020- HĐCVDADT/NHCT440-TOANMY ngày 29/04/2020 để phục vụ thanh toán các chi phí cho dự án Cải tạo và xây dựng xưởng sản xuất, nhà ăn, mua máy móc thiết bị của nhà máy Toàn Mỹ, thời gian vay 60 tháng, tài sản đảm bảo là toàn bộ máy móc thiết bị hình thành tài sản trong tương lai của Nhà máy.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An theo hợp đồng tín dụng số 01/2020/HĐCVDADT/NHCCT440-TOANMY ngày 29/04/2020 để phục vụ thanh toán các chi phí cho dự án đầu tư hệ thống Pin năng lượng mặt trời công suất 310kWp, thời gian vay 36 tháng. Tài sản đảm bảo được quy định theo hợp đồng thế chấp động sản số 01/2020/HĐBĐ/NHCT440-TOANMY ngày 28 tháng 4 năm 2020 bao gồm hệ thống điện năng lượng mặt trời công suất 310Kwp; các quyền, lợi ích phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm đối với các tài sản nêu trên, bao gồm quyền nhận tiền bảo hiểm, bồi thường và tất cả các quyền tài sản, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác để trao đổi, thay đổi, thay thế cho, thuộc về hoặc liên quan đến bất kỳ tài sản nào được đề cập trên

Các Khoản vay tại Công ty Cổ phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam - Chi nhánh Nghệ An theo hợp đồng tín dụng số 01/2020-HĐCVDADT/NHCT440-NLSONHA ngày 12/10/2020 để phục vụ thanh toán các chi phí cho dự án Điện mặt trời tại nhà máy Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai tại huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, thời gian vay 84 tháng, tài sản đảm bảo là toàn bộ máy móc thiết bị của dự án.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam- Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng số 02/2020/4916331/HĐTD ngày 03/11/2020 để phục vụ thanh toán các chi phí cho dự án Điện mặt trời tại Cảng Cá Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, thời gian vay 84 tháng, tài sản đảm bảo là toàn bộ máy móc thiết bị của dự án.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.874.442.032	13.903.869.097
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	513.943.158	3.697.018.315
Tăng do hợp nhất	-	-
Phân loại lại sang quỹ Đầu tư phát triển	-	(511.339.763)
Tăng, giảm khác	(10.298.690)	80.801.522
Chi quỹ	(1.467.808.856)	(2.295.907.139)
Số cuối kỳ	13.910.277.644	14.874.442.032



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Số dư đầu năm nay	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	số hữu	phần									
870.881.810.000	(47.906.902.648)	35.159.000.000	(4.186.322.972)	(1.665.791.015)	35.975.682.792	209.828.408	200.078.761.975	186.194.643.235	1.274.740.709.775		
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	44.370.054.899	45.337.658.713	89.707.713.612		
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	43.377.460.000	-	15.749.980.000	-	-	-	(59.127.440.000)	-	-		
Phí tư vấn phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
Góp vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	662.858.188	(1.550.001.169)	373.199.823	(513.943.158)		
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(621.035.450)	(75.519.600)	(696.555.050)		
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(43.384.660.500)	(55.300.672.182)	(98.685.332.682)		
Chênh lệch tỷ giá quy đổi báo cáo	-	-	-	-	-	-	(599.154.126)	-	(599.154.126)		
Điều chỉnh tăng giảm khác	-	-	-	-	-	-	62.096.371	246.732.762	308.829.133		
Số dư cuối kỳ	914.259.270.000	(47.906.902.648)	50.908.980.000	(4.186.322.972)	(2.264.945.141)	36.638.540.980	139.827.776.125	176.776.042.751	1.264.262.267.503		

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Lê Vĩnh Sơn	146.078.920.000	139.122.790.000
Ông Lê Hoàng Hà	-	16.227.920.000
Các cổ đông khác	768.180.350.000	715.531.100.000
Cộng	914.259.270.000	870.881.810.000

22c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	91.425.927	87.088.181
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	91.107.067	86.769.321
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	318.860	318.860
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	91.107.067	86.769.321

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu

	Quý IV.2020	Quý IV.2019
Doanh thu bán hàng hóa	1.363.902.477.505	1.022.336.759.224
Doanh thu bán thành phẩm	384.966.543.311	431.057.828.998
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.023.478.075	8.955.011.256
Doanh thu khác	155.409.676	6.538.355.399
Cộng	1.759.047.908.567	1.468.887.954.877

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý IV.2020	Quý IV.2019
Chiết khấu thương mại	52.228.832.496	51.869.261.799
Hàng bán bị trả lại	4.672.042.149	12.000.617.923
Giảm giá hàng bán	46.343.559	8.544.386.681
Cộng	56.947.218.204	72.414.266.403

3. Giá vốn hàng bán

	Quý IV.2020	Quý IV.2019
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.275.044.443.201	1.055.006.142.639
Giá vốn của thành phẩm đã bán	198.082.648.780	128.830.094.743
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.249.979.573	264.616.980
Giá vốn kinh doanh khác	1.455.035	
Cộng	1.476.378.526.590	1.184.100.854.362

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV.2020	Quý IV.2019
Lãi tiền gửi	3.397.954.095	466.760.217
Lãi tiền cho vay	324.830.683	572.538.888
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.026.311.483	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	454.660.074	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	1.968.700.937
Doanh thu tài chính khác	90.337	99.045.310
Cộng	6.203.846.672	3.107.045.352

5. Chi phí tài chính

	Quý IV.2020	Quý IV.2019
Chi phí lãi vay	44.217.944.364	40.059.615.202
Chiết khấu thanh toán	4.840.458.318	110.290.325
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.239.141.796	843.709.729
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	468.372.759	278.616.722
Chi phí tài chính khác	19.059.731	3.460.478
Cộng	51.784.976.968	41.295.692.456

6. Chi phí bán hàng

	Quý IV.2020	Quý IV.2019
Chi phí cho nhân viên	34.901.757.037	36.010.323.510
Chi phí vật liệu, bao bì	1.444.146.912	917.026.453
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.296.885.657	8.668.504.077
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.536.534.468	483.118.826
Chi phí bảo hành	5.899.589.806	4.196.976.381
Chi phí quảng cáo, dịch vụ mua ngoài	42.118.887.855	48.189.942.183
Các chi phí khác	7.651.025.528	3.487.964.877
Cộng	100.848.827.263	101.953.856.306

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý IV.2020	Quý IV.2019
Chi phí cho nhân viên	22.073.590.755	9.440.567.285
Chi phí vật liệu quản lý	146.438.882	283.458.148
Chi phí đồ dùng văn phòng	644.603.125	1.216.997.311
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.915.333.826	3.131.785.794

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quý IV.2020	Quý IV.2019
Thuế, phí và lệ phí	296.669.991	49.546.271
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	-	(611.896.688)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.739.783.215	6.568.388.634
Các chi phí khác	10.718.233.005	10.800.297.750
Cộng	39.534.652.799	30.879.144.505
8. Thu nhập khác		
	Quý IV.2020	Quý IV.2019
Thu nhập khác	2.483.568.964	3.838.484.478
Cộng	2.483.568.964	3.838.484.478
9. Chi phí khác		
	Quý IV.2020	Quý IV.2019
Thuế bị phạt, bị truy thu	3.054.865.674	
Chi phí khác	1.276.037.872	2.717.730.862
Cộng	4.330.903.546	2.717.730.862
10. Lãi trên cổ phiếu		
<i>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</i>		
	Quý IV.2020	Quý IV.2019
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	11.771.978.409	21.208.366.683
Thù lao hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.771.978.409	21.208.366.683
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	91.425.927	87.088.181
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	129	244
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:		
	Quý IV.2020	Quý IV.2019
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	91.425.927	87.088.181
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu năm	-	-
Ảnh hưởng của việc hoán đổi cổ phiếu	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	91.425.927	87.088.181

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Cam kết bảo lãnh

Ông Lê Vĩnh Sơn và ông Lê Hoàng Hà dùng lần lượt 2.525.000 và 2.175.000 cổ phiếu SHI thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty theo hợp đồng đặt mua trái phiếu ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân (xem thuyết minh số V.20).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.6.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Công ty liên kết
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	Công ty con của Sơn Hà Sài Gòn
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Dịch vụ Sakura	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt
Công ty TNHH MTV Đầu tư Tổng hợp Lệ Gia	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt
Công ty TNHH MTV Sản xuất Đầu tư và Phát triển Hoàng Hà	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.6 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh hàng gia dụng.
- Lĩnh vực kinh doanh hàng công nghiệp.
- Lĩnh vực kinh doanh khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam.

Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận chi có trên lãnh thổ Việt Nam.

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu

Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến



Lê Vĩnh Sơn